

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-08-2021
V/v Không công nhận là vợ chồng
giữa Chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 08 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2021 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Dùm, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Dùm, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/04/2021 cùng các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H chung sống với anh Nguyễn Hữu T năm 1993, trước khi về chung sống anh chị có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới xong Chị H về gia đình anh T chung sống và ở tại thôn Dùm, xã Nghĩa Phương, thời gian đầu tình cảm giữa anh chị hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống trong làm ăn phát triển kinh tế và sinh hoạt hàng ngày nên hai bên thường xảy ra cãi nhau, anh chị cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế, hai bên không còn quan tâm qua lại từ năm 2020. Nay chị xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài chị tha thiết đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng.

-Về con chung: Vợ chồng chị trong thời gian chung sống có 04 con chung là Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1995, Nguyễn Thị Thùy, sinh năm 1997, Nguyễn Thu Trà, sinh năm 2000, Nguyễn Thị Th, sinh ngày 21/02/2004. Hiện cháu Trang, cháu Thùy, cháu Trà đã lấy chồng, còn cháu Th đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Th cho chị nuôi, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm ruộng tại địa phương, thu nhập hàng tháng 3.000.000 đồng/tháng.

-Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2021 bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: Quá trình anh chị chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Nguyễn Thị H đã trình bày là đúng. Nay Chị H đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Anh xác nhận con chung như Chị H trình bày là đúng. Nay vợ chồng ly hôn anh sẽ đồng ý theo nguyện vọng của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T.

Con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 21/02/2004. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Anh Nguyễn Hữu T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này của mình.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra

chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H chung sống với anh Nguyễn Hữu T năm 1993, trước khi về chung sống anh chị có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới xong Chị H về gia đình anh T chung sống và ở tại thôn Dùm, xã Nghĩa Phương, thời gian đầu tình cảm giữa anh chị hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2020 giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống trong làm ăn phát triển kinh tế và sinh hoạt hàng ngày nên hai bên thường xảy ra xô sát. Anh chị cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế, hai bên không còn quan tâm qua lại từ năm 2020. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa Chị H, anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng tha thiết đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng. Do anh chị về chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. Xử không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T có 04 con chung là Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1995, Nguyễn Thị Thùy, sinh năm 1997, Nguyễn Thu Trà, sinh năm 2000, Nguyễn Thị Th, sinh ngày 21/02/2004. Hiện cháu Trang, cháu Thùy, cháu Trà đã lấy chồng, còn cháu Th đang ở cùng Chị H, xét nguyện vọng nuôi con chung của Chị H, HĐXX thấy: Hiện cháu Th đang ở cùng Chị H, trong quá trình làm việc nguyện vọng của cháu Th là muốn ở cùng Chị H, quan điểm của anh T là tôn trọng quyền lựa chọn của con chung về việc ở với ai, do đó, cần giao cháu Nguyễn Thị Th cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là đảm bảo theo Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Sau ly hôn, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này của mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0005371 ngày 06/05/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000;

Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu T.

2. Con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Th, sinh ngày 21/02/2004. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Anh Nguyễn Hữu T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này của mình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0005371 ngày 06/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Phương;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Công Định

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hoài Mơ – Nguyễn Hữu Chính

Đặng Công Định